

NGUYỄN VĂN LUYỄN – LÊ MỸ DUNG

MODULE TH

3

**ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ
CỦA HỌC SINH YẾU KÉM,
HỌC SINH CÁ BIỆT,
HỌC SINH GIỎI
VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- bậc Tiểu học đặt nền móng cho hệ thống giáo dục phổ thông. Luật Giáo dục 2008 đã xác định: “Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở”.
- Giáo viên là người góp phần quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục. Sự hiểu biết những đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học giúp nhà giáo dục có phương pháp giáo dục hiệu quả cho từng lứa tuổi nhất định và cho từng em trên cơ sở vận dụng những hiểu biết này vào việc dạy học và giáo dục học sinh.
- Đối với giáo viên tiểu học, để có nghiệp vụ sư phạm tốt, mỗi người cần nắm vững khoa học tâm lí nhằm làm chủ quá trình học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên có nghề vững vàng.



B. MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc đợt học tập/tập huấn module, học viên có kĩ năng tìm hiểu, phân tích đặc điểm tâm lí học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu để vận dụng trong dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng học sinh, thể hiện ở những vấn đề sau:

1. VỀ NHẬN THỨC

- Học viên **PHÁT BIỂU** được đặc điểm tâm lí học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu để vận dụng trong dạy học, giáo dục phù hợp đối tượng học sinh.
- Học viên **KẾ** được nguyên tắc, quy trình chung và những điều kiện cần thiết trong việc tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh.

2. VỀ KĨ NĂNG

- Học viên **SỬ DỤNG** được một số phương pháp, kĩ thuật đơn giản, **ỨNG DỤNG** vào tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu.

- Bước đầu TỰ ĐUA RA được các cách thức riêng, phù hợp để tìm hiểu đặc điểm tâm lý học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và năng khiếu ở mức độ nhất định.

3. VỀ THÁI ĐỘ

- Học viên có thái độ KHÁCH QUAN, KHOA HỌC, THẬN TRỌNG đối với việc tìm hiểu, đánh giá đặc điểm tâm lý học sinh.
- Học viên có ý thức TỰ RÈN LUYỆN thường xuyên để nâng cao trình độ kĩ năng tìm hiểu, phân tích đặc điểm tâm lý học sinh của bản thân.



C. NỘI DUNG

Hoạt động 1

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA HỌC SINH HỌC KÉM

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh học kém.
- Liên hệ được với thực tiễn học sinh ở nhà trường tiểu học hiện nay.
- Xác định được những khó khăn của học sinh học kém ở các kĩ năng cơ bản (đọc, viết, làm toán).

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

Học sinh học kém là học sinh có kết quả không đạt chuẩn tối thiểu đã được Nhà nước quy định.

Học sinh tiểu học học kém có kết quả học tập đạt loại yếu, điểm học tập môn Toán và Tiếng Việt dưới trung bình.

Dựa trên chỉ số chính là lực học, cộng thêm cả xu hướng nhân cách của học sinh, phạm vi động cơ của học sinh, có thể phân loại học sinh học kém làm 3 kiểu chính:

- Lực học thấp, kết hợp với thái độ dương tính đối với việc học tập và duy trì được cương vị của một học sinh.

- Hoạt động tư duy có chất lượng cao, kết hợp với thái độ âm tính đối với việc học và sự đánh mất một phần hay hoàn toàn cương vị của người học sinh.
- Lực học thấp, kết hợp với thái độ âm tính đối với việc học và sự đánh mất một phần hay hoàn toàn cương vị của người học sinh.

Học kém biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau: học kém ở một hoặc nhiều môn, học kém trong từng thời kì, lưu ban, bỏ học, thi trượt.

Học sinh học kém có biểu hiện

- Sự chậm tiến chung và hời hợt trong học tập.
- Học kém từng phần nhưng tương đối dai dẳng và kém chủ yếu ở những bộ môn cơ bản.
- Học kém trong từng thời kì.
- Nắm khái niệm hời hợt, nặng về những nét nổi bật có tính chất chủ quan, một số khái niệm bị thu hẹp hoặc quá mở rộng.
- Nhầm lẫn khái niệm hoặc không vận dụng được khái niệm.
- Lòng tự tin, ý chí học tập giảm sút.
- Nhân cách bị tổn thất dẫn đến suy giảm năng lực lĩnh hội tri thức.
- Thiếu sự mềm dẻo trong tư duy.
- Vốn kiến thức nghèo nàn.
- Khó hình thành được các phẩm chất trí tuệ như các bạn.
- Ghi nhớ chậm và không bền vững.
- Lỗi hổng trong các kiến thức làm cản trở sự lĩnh hội tài liệu mới.
- Thụ động.
- Có tự ý thức nghèo nàn.
- Chú ý kém.
- Thiếu các kĩ năng xã hội.

Học sinh học kém có những đặc điểm chung nhất là:

- Chậm phát triển về mặt tri thức, không đạt được mức yêu cầu của các môn học trong những điều kiện bình thường.

- Các mặt khác của sự phát triển nhân cách có thể không khác hoặc khác so với học sinh cùng lứa tuổi, cùng lớp.
- Nếu không có những biện pháp giáo dục đặc biệt, học sinh học kém khó có thể đạt được mục tiêu giáo dục mà xã hội đề ra.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm tâm lí của học sinh học kém.
- Mô tả những khó khăn tâm lí trong hoạt động học tập của học sinh học kém.
- Mô tả những biểu hiện của học sinh học kém đọc, viết và làm toán.

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

* *Đặc điểm tâm lí của học sinh đọc kém*

- *Khó khăn trong tập đọc (dyslexia)* là một trong những dạng chung nhất của các chứng khó khăn trong học tập. Chứng khó đọc được đặc trưng bằng những khó khăn trong việc diễn đạt hoặc tiếp nhận ngôn ngữ nói hoặc viết. Có thể phân thành ba loại:
 - + *Khó đọc phát triển (developmental dyslexia)* là điều kiện hoặc là tình trạng thiếu năng học tập gây ra khó khăn cho đọc và viết.
 - + *Khó đọc hình ảnh (visual dyslexia)* còn được gọi là chứng khó đọc bề mặt (surface dyslexia) và được dùng để chỉ một dạng rối loạn đọc ở đó khó khăn chủ yếu xảy ra với trí nhớ hình ảnh, phân biệt hình ảnh, sắp xếp hình ảnh, nhìn từ trái qua phải, trong việc nhận diện nhanh hình dáng các từ.
 - + *Khó đọc thính giác hoặc chứng khó đọc ngữ âm (auditory dyslexia hoặc phonological dyslexia)*. Chứng khó đọc âm thanh lời nói có khó khăn chủ yếu xảy ra trong việc phân biệt các âm thanh phát ra, trong việc kết hợp

âm, ghi nhớ thông tin theo chuỗi và sắp xếp thông tin nghe, cũng như khó khăn trong phát triển ý thức về ngữ âm.

Những biểu hiện của khó khăn về đọc của học sinh học kém trong nhà trường tiểu học hiện nay

- Thêm, bớt từ, thay từ, đọc ngược.
- Bỏ hàng, bỏ chữ khi đọc, không nhận ra chữ.
- Không nhìn thấy một từ hay một hình nếu hình ấy ở giữa những hình khác, hay ở trên bảng có nhiều hình, từ khác.
- Khó khăn trong mã hoá từ – đánh vần. Ví dụ, trẻ có thể đọc *m-u-ô-i-ngã*, nhưng không nói *muối* được. Nhưng nếu nghe nói, hoặc nghe đọc từ ấy, trẻ có thể nói/ đọc theo.
- Đọc chậm.
- Thiếu ý thức về âm thanh được thể hiện trong các từ, về trật tự âm hoặc chuỗi âm tiết. Phát âm không chuẩn, phát âm sai.
- Ngắt nghỉ không đúng chỗ, hay đọc sai khi gặp từ khó.
- Nhận diện chuỗi các số kém, chuỗi các con chữ trong các từ một cách khó khăn khi đọc và viết, đặc biệt là những chữ có cấu tạo các chữ tương tự nhưng ngược hướng. Ví dụ: b – d, ng – nh, ang – gan...
- Khó khăn trong việc đọc hiểu: thường chỉ trả lời được những câu hỏi đòi hỏi tìm chi tiết cụ thể một. Nhiều khi phải nghe lặp lại câu hỏi nhiều lần mới trả lời được.
- Khó khăn trong việc diễn đạt ý dưới hình thức viết và hình thức nói.
- Ngôn ngữ nói thường thể hiện ngắc ngứ, trì hoãn.
- Lẫn lộn về phương hướng trong không gian hay thời gian (trái và phải, trên và dưới, hôm qua và ngày mai...).
- Diễn giải lại ngôn ngữ nghe được thường không chính xác và không đầy đủ.

Ngoài những đặc điểm về ngôn ngữ vừa nêu trên, trẻ khó đọc có những biểu hiện về tâm lý như:

- Có thể có vẻ sáng sủa, thông minh, ăn nói lưu loát, tuy nhiên trình độ đọc viết và chính tả thấp hơn nhóm trung bình.
- Có trí thông minh trung bình hoặc trên trung bình nhưng thành tích học tập kém.
- Có thể có khả năng ngôn ngữ, nhưng sẽ rất kém trong các bài kiểm tra viết.
- Dễ bị mọi người gán cho là lười biếng, căm (trất ít nói chuyện với người khác, chỉ nói khi đã rất thân quen), ấu, khờ, không cố gắng, hay có vấn đề về cư xử.
- Có thể cảm thấy thụ động, dễ xúc động và hay bực bội về việc đọc hay kiểm tra trong lớp.
- Có thể cố gắng che giấu những nhược điểm của mình trong việc đọc bằng những thủ thuật.
- Có thể có tài năng trong các lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc, kịch nghệ, thiết kế, buôn bán kinh doanh.
- Khó tập trung chú ý trong học tập. Chẳng hạn, có vẻ như thường “mơ màng”, dễ dàng lạc hướng và duy trì sự chú ý một cách khó khăn.

* *Đặc điểm tâm lý của học sinh viết kém*

Khó khăn trong tập viết (dysgraphia) là tình trạng khiếm khuyết trong học tập liên quan đến vấn đề khó khăn trong cách thể hiện những suy nghĩ bằng chữ viết và hình tượng. Nói chung, nó thường chỉ đến khả năng viết tay nghèo nàn của trẻ.

Trẻ có khó khăn trong tập viết thường có một chuỗi các vấn đề. Các nghiên cứu chỉ ra rằng những vấn đề thường xuất hiện bao gồm nhận thức (chữ cái/ chữ số, viết ngược các từ, viết kí tự ra ngoài vùng, viết chữ nhỏ) dường như liên quan trực tiếp đến quá trình xử lí thông tin tuần tự/ tỉ lệ. Các học sinh này thường có khó khăn trong khi viết về một dãy các kí tự hoặc các từ. Kết quả là học sinh cần chậm rãi để viết đúng, rất khó khăn với “cơ chế” viết (đánh vần...). Chúng dường như lẫn lộn các kí tự và số trong công thức. Các học

sinh này thường làm các bài tập rất chậm và không kịp suy nghĩ về những gì chúng viết.

Những biểu hiện của khó khăn trong tập viết của học sinh học kém trong nhà trường tiểu học hiện nay

- Không viết theo một hướng nhất định.
- Chữ nguệch ngoạc, xiêu vẹo.
- Không cách từ, cách hàng.
- Không viết chính tả được nếu bên ngoài ổn, có nghĩa là không phân biệt được âm thanh nền và âm thanh phụ.
- Thêm, bớt chữ, thay từ, viết ngược.
- Viết và giải các phép tính không theo cột, theo hàng.
- Chép lại đúng, nhưng nghe và viết lại thì sai.
- Trả lời đúng, nhưng viết câu trả lời thì sai.
- Chấm câu ngẫu nhiên (hoặc không có). Lỗi đánh vần (đôi khi một từ được đánh vần khác nhau); sự đảo ngược; phát âm gần đúng; sự thiếu âm; lỗi trong các hậu tố chung. Thiếu kĩ năng và rối loạn trong cú pháp. Sự không thể hiện được các câu hỏi. Rối loạn trong đánh số và đánh số ngược.
- Nhầm lẫn chữ in và chữ viết tay, chữ in và chữ thường, hoặc kích cỡ không đúng, hoặc chữ in nghiêng, chữ thẳng đứng.
- Cầm bút khó khăn, không đúng quy định.
- Tự nói chuyện trong khi viết hoặc nhìn chăm chú vào tay viết.
- Hạn chế trong việc dùng các biện pháp tu từ, thiếu từ để viết tập làm văn, ý sơ sài, câu lủng củng.
- Lúng túng khi viết kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng.

* *Đặc điểm tâm lí của học sinh làm toán kém*

Khó khăn trong tính toán (dyscalculia) có nhiều dạng khác nhau, mỗi dạng kéo theo dạng đặc trưng của vấn đề trong việc giải quyết những nhiệm vụ toán học.

Học sinh có khó khăn trong tính toán cần khoảng thời gian dài để thực hiện ngay cả những nhiệm vụ tính toán đơn giản... Các em vẫn còn sử dụng các ngón tay ngay cả trong các lớp lớn. Những khó khăn dạng này được gọi là những khó khăn tự động. Ngoài ra, những khó khăn ngôn ngữ có thể tự thể hiện trong những khó khăn hiểu các số như những khái niệm, trẻ hiểu biết giới hạn về các số hoặc các hình tượng số.

Hình dạng khác của khó khăn trong tính toán bao gồm những khó khăn lập kế hoạch mà hướng những sai lầm của trẻ đến việc thực hiện hiệu quả các phép toán. Ở đây trẻ có khó khăn trong thể hiện chiến lược giải bài toán số học, hoặc giải đúng bài toán; khó khăn trong việc suy nghĩ logic cũng như thực hiện các phép toán.

Những biểu hiện của khó khăn trong làm toán của học sinh học kém trong nhà trường Tiểu học hiện nay

- Chọn không đúng thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.
- Bỏ sót số 0 khi thực hiện phép chia các số tự nhiên.
- Sử dụng không đúng quy tắc lấy một số trừ đi một tổng hay lấy một số trừ đi một hiệu.
- Sử dụng không đúng quy tắc rút gọn phân số.
- Không nhớ chính xác “thuật giải” các dạng bài tập.
- Không xét hết các trường hợp của bài toán, đặc biệt các “bài toán mở”.
- Không có biểu tượng trực quan đúng về đối tượng.
- Chọn không đúng các phép toán khi giải các bài toán bằng lời.
- Đo hay dựng không đúng các góc từ thước đo góc.
- Thực hiện việc dịch dấu phẩy không đúng khi làm các phép tính trên các số thập phân.
- Trình bày không đúng lập luận và chứng minh.
- Nhầm lẫn kí hiệu đơn vị độ dài, diện tích, thể tích...
- Nhầm lẫn các khái niệm: nhiều hơn – ít hơn, trước – sau, trên – dưới, hôm qua – hôm nay, 2 tiếng – nửa giờ...

- Thuộc bảng cửu chương nhưng sử dụng sai.
- Nhận ra thứ tự số trong dãy số, nhưng nếu số đứng một mình thì không biết thứ tự.
- Nhầm lẫn các số 69 – 96, 63 – 36, 17 – 71...
- Tính trên máy tính được, nhưng không áp dụng vào thực tế cuộc sống.
- Không hiểu các khái niệm “mang sang” trong toán cộng và “muộn” trong toán trừ.

Hoạt động 2

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA HỌC SINH CÁ BIỆT

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh cá biệt.
- Liên hệ được với thực tiễn học sinh ở nhà trường tiểu học hiện nay.
- Xác định được những biểu hiện của học sinh cá biệt trong lớp.

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

Học sinh cá biệt là những học sinh chưa ngoan, có những hành vi không mong đợi được lặp lại thường xuyên và trở thành hệ thống, thể hiện bởi thái độ, hành vi không phù hợp với giá trị, nội quy, truyền thống của tập thể, không thực hiện tròn bổn phận và trách nhiệm của người học sinh, hoặc thiếu văn hoá, đạo đức trong quan hệ ứng xử với mọi người, mặc dù đã được giáo viên, gia đình quan tâm chỉ dẫn, giáo dục.

Học sinh cá biệt thường có những biểu hiện phổ biến sau:

- Học sinh có những thay đổi khác lạ trong thái độ, cách cư xử: trở nên lãnh đạm, không chan hoà, không muốn hoà đồng, cáu kỉnh, xúc phạm người khác, thậm chí gây gổ.
- Không quan tâm, hứng thú với trường học và việc học, học sa sút, thậm chí là bỏ học.
- Thiếu tự tin vào bản thân. Không tin cậy người khác.

- Thường xuyên vi phạm nội quy của lớp, trường.
- Cố thu hút sự chú ý của người khác bằng những hành vi như phá phách, vô lễ, ăn cắp, nói dối...
- Hay đánh đập bạn, hay ồn trong lớp học, bỏ học, trốn học để chơi game.
- Có những hành vi chống đối vô lối với giáo viên.
- Có những hành động kì quặc, khiến cho lớp học luôn trong trạng thái bất ổn.
- Có thái độ xem thường bạn bè, thầy cô...
- Thường xuyên nói tục...
- Thường xuyên không tham gia vào các hoạt động học tập của lớp.

Để xác định được nội dung và biện pháp giáo dục học sinh cá biệt, giáo viên cần tìm hiểu nguyên nhân, mục đích của hiện tượng này:

- Các nguyên nhân:
 - + Nguyên nhân do yếu tố sinh học.
 - + Nguyên nhân do yếu tố tâm lí.
 - + Nguyên nhân do môi trường xã hội.
- Mục đích:
 - + Thu hút sự chú ý.
 - + Thể hiện quyền lực.
 - + Trả đũa.
 - + Thể hiện sự không thích hợp.
 - + Suy nghĩ không hợp lí.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt.
- Mô tả các biểu hiện trong học tập của học sinh cá biệt.
- Trình bày và phân tích những nguyên nhân gây ra những hành vi không mong đợi ở học sinh cá biệt.

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

- Nắm vững nội dung cơ bản được đề cập ở phần thông tin cơ bản.
- Vận dụng vào thực tế tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt và tổ chức các biện pháp giáo dục học sinh cá biệt ở lớp, ở trường tiểu học.
- Một số công cụ giúp giáo viên tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt:
Ví dụ 1: Tìm hiểu mức độ hành vi đạo đức của học sinh tiểu học theo nhận xét của cha mẹ.

Cách tiến hành: Đề nghị cha mẹ học sinh trả lời vào bản tự khai sau đây:

1. Trong gia đình học sinh có vắng lời và thực hiện công việc không?
 - a. Không bao giờ.
 - b. Rất ít khi.
 - c. Thường hay.
 - d. Luôn luôn.
2. Hành vi của học sinh khi ở nhà:
 - a. Thường xuyên tỏ ra hỗn láo, có hành vi xấu.
 - b. Hay bộc lộ hành vi xấu, không quan tâm đến nhận xét.
 - c. Bao giờ cũng nghịch ngợm nhưng có sửa chữa khi cha mẹ răn đe.
 - d. Luôn luôn tốt, nghe lời.
3. Về tính nhạy cảm và lòng vị tha đối với cha mẹ, họ hàng:
 - a. Thường xuyên hỗn láo, thô bạo.
 - b. Hay tỏ ra thô lỗ, ích kỉ, nhấn tâm.

- c. Không phải bao giờ cũng quan tâm, tốt bụng.
 - d. Nhân hậu, quan tâm, tốt bụng.
4. Về sự chăm chỉ lao động:
- a. Rất lười, lảng tránh việc nhà.
 - b. Hay lảng tránh việc nhà, chỉ làm khi có yêu cầu.
 - c. Không phải bao giờ cũng giúp người khác, chỉ làm khi có kiểm tra, đôn đốc.
 - d. Ưa thích công việc trong gia đình, giúp đỡ người lớn.
5. Về đức khiêm tốn:
- a. Rất kiêu căng, khoác lác, tự cao.
 - b. Hay tỏ ra tự phụ, khoe khoang.
 - c. Thỉnh thoảng tỏ ra kiêu căng.
 - d. Bao giờ cũng tỏ ra khiêm tốn.
6. Trẻ em có phê bình người khác không?
- a. Chẳng phê bình ai, chỉ lựa theo ý kiến mọi người.
 - b. Ít phát biểu ý kiến riêng của mình, ít phê bình người khác.
 - c. Phê bình nhưng không phải bao giờ cũng đúng và hợp lí.
 - d. Biết phê bình người khác đúng lúc và đúng chỗ.
7. Về tự phê bình:
- a. Dễ phản ứng khi người khác nhận xét.
 - b. Không tiếp thu phê bình, nhận xét của người khác.
 - c. Không chịu sửa chữa khi người khác phê bình hoặc uốn nắn.
 - d. Biết tự nhận thiếu sót, có chú ý sửa chữa.
8. Về học tập ở nhà:
- a. Không chịu khó học bài, làm bài, tỏ ý không muốn học.
 - b. Thiếu tinh thần trách nhiệm với bài làm về nhà.

- c. Không lo lắng đến việc học bài ở nhà.
 - d. Tự nguyện và có trách nhiệm với bài làm ở nhà.
9. Thái độ đối với hoạt động xã hội:
- a. Không ưa thích hoạt động xã hội, không hoàn thành công việc xã hội.
 - b. Thiếu tinh thần trách nhiệm với công việc của lớp, của tập thể, bố mẹ phải đôn đốc.
 - c. Thường xuyên không muốn tham gia công việc lớp, tập thể.
 - d. Tự nguyện tham gia công việc lớp, tập thể về nhà thích thú kể lại công việc đã làm.
10. Thái độ đối với lớp học, với trường:
- a. Không thích học ở lớp đó, có ý nghĩ không tốt về lớp, về trường.
 - b. Thờ ơ với công việc của lớp, của trường.
 - c. Thích lớp, thích trường nhưng ít tham gia hoạt động do lớp, trường tổ chức.
 - d. Thích lớp, trường, có dịp làm việc tốt cho lớp và trường.

Cách xử lí:

Nhận được các bản trả lời của cha mẹ, giáo viên tổng kết lại, tính điểm cho từng em đạt được a = 1 điểm, b = 2 điểm, c = 3 điểm, d = 4 điểm. Lấy tổng số chia cho 10 (10 câu hỏi).

Mức độ biểu hiện các hành vi đạo đức muốn khảo sát:

Từ 1 đến 1,4: Không thể hiện.

Từ 1,5 đến 2,4: Thể hiện yếu.

Từ 2,5 đến 3,4: Có thể hiện nhưng mờ nhạt.

Từ 3,5 đến 4: Thể hiện rõ.

Ví dụ 2: Sử dụng thang đánh giá mức độ hiếu động dành cho giáo viên (TRS) đánh giá học sinh tiểu học của mình và bước đầu có nhận xét sơ bộ về mức độ hiếu động của các em.

Thang đánh giá mức độ hiếu động của trẻ dành cho thầy cô giáo (TRS)

TT	Biểu hiện	Mức độ			
		Không	Có ít	Nhiều	Rất nhiều
1	Ngộ nguậy không yên				
2	Trong trường hợp nên yên lặng thì lại làm ồn.				
3	Yêu cầu phải được lập tức thỏa mãn				
4	Động tác sổ sàng (vô lễ)				
5	Nóng nảy, làm những hành vi không thể dự liệu được				
6	Rất miễn cảm với sự phê bình của người khác				
7	Dễ phân tâm, không tập trung chú ý				
8	Gây trở ngại cho bạn bè cùng lứa				
9	Hay mơ mộng				
10	Bịu môi và nóng giận				
11	Tình cảm thay đổi rất nhanh				
12	Thích cãi nhau				
13	Có thể nghe lời theo uy quyền				
14	Ngồi không yên một chỗ				
15	Dễ hung phấn, kích động				
16	Đòi hỏi quá đáng sự chú ý của thầy cô giáo				
17	Không tiếp thu vì tập thể				
18	Dễ bị những đứa trẻ khác lãnh đạo				
19	Thiếu ý thức cạnh tranh công bằng, hợp lí				
20	Thiếu năng lực lãnh đạo, chỉ huy				

TT	Biểu hiện	Mức độ			
		Không	Có ít	Nhiều	Rất nhiều
21	Không hoàn thành công việc				
22	Tính trẻ con				
23	Hay đổ lỗi cho người khác				
24	Không thể hoà hợp với người khác				
25	Không hợp tác với bạn cùng lớp				
26	Rất dễ nản chí				
27	Không hợp tác với thầy cô				
28	Học tập khó khăn				

Thang đánh giá gồm có 28 biểu hiện, chia làm 4 nhóm chính: Phẩm hạnh, hiếu động, khả năng tập trung chú ý kém, bốc đồng.

Cách tính điểm: với 4 thang:

- Không = 0 điểm.
- Có ít = 1 điểm.
- Nhiều = 2 điểm.
- Rất nhiều = 3 điểm.

Hoạt động 3

XÁC ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA HỌC SINH GIỎI VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm tâm lý của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.
- Liên hệ được với thực tiễn học sinh ở nhà trường tiểu học hiện nay.
- Xác định được những biểu hiện của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu trong lớp.

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

Học sinh giỏi, học sinh năng khiếu là những học sinh hoàn thành công việc một cách dễ dàng, khiến mọi người phải kinh ngạc.

Năng khiếu là tư chất vốn có làm cơ sở cho năng lực mà dưới tác động của môi trường, của luyện tập sẽ được phát triển hoặc không.

Năng khiếu là dấu hiệu phát triển sớm ở trẻ em một tài năng nào đó khi trẻ chưa được tiếp xúc một cách có hệ thống trong lĩnh vực hoạt động tương ứng.

Năng khiếu bộc lộ ra ở nhiều khía cạnh, như: tốc độ vượt trội trong việc hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể so với trẻ đồng trang lứa, thành tích xuất sắc trong một lĩnh vực nhất định, thiên hướng hoạt động mãnh liệt hoặc sự sáng tạo trong hoạt động ở một lĩnh vực nào đó.

“Trẻ có năng khiếu và tài năng là những đứa trẻ được phát hiện bởi những người có trình độ chuyên môn với những khả năng nổi trội. Đây là những đứa trẻ đòi hỏi cần được học tập trong các chương trình giáo dục đặc biệt và/hoặc các dịch vụ nằm ngoài các chương trình mà thông thường được cung cấp bởi chương trình học thường xuyên để thực hiện đóng góp cho chính mình và xã hội” (Marland, 1972).

Trên thế giới đã có nhiều bộ trắc nghiệm (test) để phát hiện năng khiếu, nhưng không phải là phương pháp duy nhất, vì muốn tìm được trẻ có tư chất phải tiến hành “đo” nó ở cấp độ quá trình chứ không phải căn cứ vào kết quả phép thử, cần phải thông qua hoạt động mà các em là chủ thể.

Đội ngũ giáo viên tiểu học có khả năng rất to lớn, vì là người tiếp xúc hàng ngày với trẻ, tổ chức cho các em hoạt động và đánh giá hoạt động của các em. Giáo viên có vai trò quan trọng trong việc phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu. Vì học sinh có năng khiếu có thể trở thành tài năng nếu các em gặp được giáo viên biết cách dạy dỗ và người thầy đó xuất hiện đúng lúc.

* *Dấu hiệu nhận biết trẻ có năng khiếu*

Đã có nhiều công trình nghiên cứu việc xác định tiêu chí nhận diện ra trẻ có năng khiếu trên thế giới hiện nay. Sau đây là một số tiêu chí cơ bản để nhận diện năng khiếu theo tài liệu của Đại học Osnabrücken – Đức:

- Ngôn ngữ phát triển cao hơn so với trẻ cùng lứa: vốn từ lớn diễn đạt tốt.
- Đọc nhiều và có khả năng đọc sách không dành cho lứa tuổi. Ví như trẻ học lớp 1 có thể đọc trôi chảy, viết chính tả tốt từ vựng khó của sách lớp trên.
- Luôn muốn tự giải quyết công việc riêng và dễ dàng đạt tới kết quả cao.
- Không bằng lòng với kết quả và nhịp điệu làm việc, muốn đạt tới sự hoàn hảo.
- Quan tâm tới nhiều vấn đề của người lớn: tôn giáo, kinh tế, chính trị, lịch sử, giới tính/ không chấp nhận quyền uy, cô tình thần phê phán.
- Có xu hướng tìm bạn ngang bằng năng lực, thường là hơn tuổi.
- Tinh thần trách nhiệm cao, không muốn bằng mọi giá để có sự đồng thuận.

III. CÁCH TIẾN HÀNH

- Tự nghiên cứu văn bản và tài liệu tham khảo.
- Quan sát học sinh trong thực tế.
- Trao đổi nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

- Phân tích đặc điểm tâm lí của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.
- Những biểu hiện trong học tập của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu?

V. THÔNG TIN PHẢN HỒI

Học sinh giỏi là những học sinh đạt kết quả học tập ở mức cao so với chuẩn quy định, là những học sinh có năng khiếu cao trong một hoặc nhiều lĩnh vực nào đó.

Học sinh năng khiếu chính là những học sinh có những tư chất bẩm sinh, di truyền, có năng khiếu cao trong một lĩnh vực nào đó, dù chưa được giáo dục, đào tạo.

Một số đặc điểm tâm lí của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu

- Có ý thức rõ rệt đối với việc học tập. Say mê học tập, thái độ của các em đối với các môn học trở nên có lựa chọn hơn, có hứng thú với một môn học nào đó.

- Đối với học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, hoạt động học tập được thúc đẩy mạnh mẽ nhất bởi động cơ nhận thức (còn gọi là động cơ hoàn thiện tri thức). Hoạt động học tập được thúc đẩy bởi động cơ này là tối ưu theo quan điểm sư phạm. Loại động cơ này còn được gọi là động cơ bên trong theo cách gọi của A.V. Pêtrôpxki, nghĩa là các em có lòng khao khát mở rộng tri thức, mong muốn có nhiều hiểu biết, say mê với bản thân quá trình giải quyết các nhiệm vụ học tập của môn Toán...
- Có chỉ số thông minh (IQ cao), nhận thức nhanh biểu hiện ở tốc độ tư duy, tốc độ vận dụng nhanh khi giải quyết các bài tập mới lạ, không quen thuộc...
- Có năng lực tập trung trí tuệ cao với cường độ lớn trong một thời gian dài (3 – 4 tiếng đồng hồ liên tục).
- Có năng lực tự học cao. Biết tư duy độc lập, tự phát hiện và giải quyết vấn đề và đặc biệt là đánh giá được vấn đề đã giải quyết. Các em ít khi vừa lòng với những lời giải bình thường mà có khuynh hướng tìm tòi lời giải mới mẻ, độc đáo, ngắn gọn (lời giải đẹp).
- Có năng lực khái quát hoá cao. Các em thường có khuynh hướng muốn đi tới những bài tổng quát hơn.
- Có cá tính rõ rệt. Đây là một trong những điều kiện của sự sáng tạo.
- Rất tự tin (thậm chí đến mức làm cho người khác nghĩ là các em quá tự tin, kiêu ngạo) ở năng lực trí tuệ của bản thân trong việc giải quyết các nhiệm vụ học toán và có quyết tâm cao để vượt qua những khó khăn, thử thách khi phải đối mặt với nhiệm vụ khó.
- Liên tục cho thấy sự tò mò trí tuệ; yêu cầu đặt câu hỏi.
- Có một loạt mối quan tâm, thường về một loại tri thức, bày tỏ một hoặc nhiều mối quan tâm sâu sắc.
- Có sự vượt trội rõ rệt trong ngôn từ cả về số lượng và chất lượng, là sự quan tâm đến tính tinh tế của từ ngữ và những ứng dụng của chúng.
- Say mê đọc và hấp thu những cuốn sách tốt vượt xa lứa tuổi của mình.
- Tiếp thu bài nhanh và dễ dàng và ghi nhớ những gì đã được học, nhớ lại những thông tin quan trọng, khái niệm và nguyên tắc, dễ dàng thấu hiểu.

- Hiểu biết về các vấn đề về số học đòi hỏi phải có sự suy luận cẩn thận và dễ dàng nắm lấy các khái niệm toán học.
- Sáng tạo hoặc biểu hiện trí tưởng tượng trong những thứ như âm nhạc, nghệ thuật, múa, kịch, cho thấy độ nhạy cảm và tinh tế trong nhịp điệu, chuyển động, điều khiển cơ thể.
- Duy trì sự tập trung trong một thời gian dài và cho thấy năng lực vượt trội, tính độc lập trong công việc của lớp.
- Thiết lập tiêu chuẩn cao một cách thực tế cho bản thân là quan trọng trong việc đánh giá bản thân và điều chỉnh những nỗ lực riêng của mình.
- Cho thấy sáng kiến và tính độc đáo trong công việc trí tuệ, cho thấy sự linh hoạt trong suy nghĩ và xem xét vấn đề từ nhiều quan điểm.
- Nhận định sâu sắc và phản ứng nhanh với những ý tưởng mới.
- Thể hiện sự chững chạc và khả năng giao tiếp với người lớn một cách trưởng thành. Tò ra hứng thú và hân hoan trước thử thách trí tuệ, cho thấy một sự hoạt bát và sự hài hước tinh tế.

Hoạt động 4

XÁC ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC, CÁC BƯỚC, CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ CÁC MẶT CẦN TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ Ở HỌC SINH CÁ BIỆT, HỌC SINH KÉM, HỌC SINH GIỎI VÀ NĂNG KHIẾU

I. MỤC TIÊU

- Xác định được các nguyên tắc chung trong tìm hiểu tâm lý học sinh;
- Xác định được các bước tổ chức tìm hiểu tâm lý học sinh một cách phù hợp;
- Xác định được các mặt phát triển tâm lý cần tìm hiểu ở học sinh cá biệt, học sinh kém, học sinh giỏi và năng khiếu;
- Xác định được các điều kiện cần thiết để tìm hiểu học sinh phù hợp lứa tuổi.